

1. Collection
2. Vào dịp đặc biệt
3. Khó
4. Expensive
5. Robot dạy học
6. Cắm hoa
7. Sự ô nhiễm
8. Art gallery
9. Absent + giới từ nào
10. Cuộc phỏng vấn
11. Government
12. Avoid + dạng động từ nào
13. Lành mạnh, khỏe mạnh
14. Đau bụng
15. Health expert
16. Concentrate + giới từ nào
17. Prepare
18. Tình nguyện làm gì
19. Người tàn tật
20. Tích cực
21. Tiêu cực
22. Education
23. Provide sb                      st
24. Tổ chức (n)
25. Sự phá rừng